

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận trúng tuyển nhập học hệ Cao đẳng chính quy ngành Giáo dục
Mầm non đợt 3 tháng 10 năm 2023 (HB)**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM BẮC NINH

Căn cứ Quyết định số 109/QĐ/TTg ngày 24/6/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh;

Căn cứ Thông tư số 23/2022/TT-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường cao đẳng sư phạm;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-CĐSPBN ngày 29/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Đề án tuyển sinh năm 2023 của Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh;

Căn cứ kết quả thi sinh trúng tuyển đến nhập học đợt 3 tháng 10 năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 25 thí sinh trúng tuyển sinh đợt 3 tháng 10 là sinh viên cao đẳng hệ chính quy ngành Giáo dục Mầm non K43 của Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các ông (bà) Lãnh đạo trường, trưởng các đơn vị có liên quan và những sinh viên có tên trong danh sách đính kèm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Website trường;
- Lưu VT, ĐT.



TS. Nguyễn Hữu Tuyển

TT	Mã HS	CMTND/ CCCD	Họ và tên	Ngày sinh	Năm TN	Giới	Tỉnh	Huyệ n	KV	ĐT	Tổ hợp xét	M1	ĐM 1	M2	ĐM 2	M3	ĐM 3	Học lực	Tổng điểm	TB C TN	ĐUT KV	ĐUT ĐT	Điểm XT (có UT)	TBC 3 môn	Ghi chú
1	CQ 272	027300005057	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	14/09/2000	2018	Nữ	19	06	2NT		C00	VA	8.3	SU	6.5	ĐI	8.7	Khá	23.50		0.00	0	23.50		
2	CQ 273	027305007871	Nguyễn Thị Trang	27/04/2005	2023	Nữ	19	03	2NT		C00	VA	8.0	SU	8.8	N1	8.6	Giỏi	25.40		0.50	0	25.71		
3	CQ 274	020305004122	Lâm Thị Linh	23/01/2005	2023	Nữ	10	08	2	01	C00	VA	7.3	SU	7.6	ĐI	8.9	Khá	23.80		0.25	2	25.66		Tày
4	CQ 275	027305007451	Nguyễn Thị Linh	10/07/2005	2023	Nữ	19	03	2NT		C00	VA	7.3	SU	6.8	ĐI	7.3	Khá	21.40		0.50	0	21.90		
5	CQ 276	027305006425	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	05/08/2005	2023	Nữ	19	06	2NT		C00	VA	7.7	SU	8.5	ĐI	8.3	Khá	24.50		0.50	0	24.87		
6	CQ 277	027304001585	Nghiêm Thị Ngọc Ánh	22/11/2004	2022	Nữ	19	02	2NT		C00	VA	7.7	SU	7.8	ĐI	7.6	Khá	23.10		0.50	0	23.56		
7	CQ 278	020305007786	Ma Thị Ngân Hà	07/12/2005	2023	Nữ	10	08	1	01	C00	VA	5.3	SU	7.3	ĐI	8.1	Khá	20.70		0.75	2	23.45		Tày
8	CQ 280	027197002713	Chu Thị Thắm	09/11/1997	2016	Nữ	19	02	2NT		D01	TO	8.7	VA	8.8	N1	9.0	Giỏi	26.50		0.00	0	26.50		
9	CQ 281	027305009104	Đoàn Thị Khánh Linh	02/09/2005	2023	Nữ	19	07	2NT		C00	VA	7.4	SU	7.0	ĐI	7.5	Khá	21.90		0.50	0	22.40		
10	CQ 282	027304007275	Nguyễn Hồng Hạnh	25/05/2004	2022	Nữ	19	01	2		C00	VA	8.1	SU	8.5	ĐI	8.6	Giỏi	25.20		0.25	0	25.36		
11	CQ 283	027304000794	Nguyễn Thu Trang	27/10/2004	2022	Nữ	19	06	2NT		C00	VA	8.0	SU	7.3	ĐI	7.8	Khá	23.10		0.50	0	23.56		
12	CQ 284	011304000702	Lò Phương Yến	04/12/2004	2022	Nữ	62	06	1	01	C00	VA	7.1	SU	8.2	ĐI	8.0	Khá	23.30		0.75	2	25.76		Thái
13	CQ 285	011303002155	Lò Thị Thu Hải	16/09/2003	2022	Nữ	62	06	1	01	C00	VA	6.6	SU	7.9	ĐI	8.1	Khá	22.60		0.75	2	25.31		Thái
14	CQ 286	011302003345	Lường Thị Nghia	02/04/2002	2020	Nữ	62	04	1	01	C00	VA	6.9	SU	7.0	ĐI	7.8	Khá	21.70		0.00	2	23.70		Thái
15	CQ 287	027305009137	Nguyễn Thuý Trang	19/12/2005	2023	Nữ	19	01	2		C00	VA	8.4	SU	8.0	ĐI	8.1	Khá	24.50		0.25	0	24.68		

16	CQ 289	027199001080	Nguyễn Thị Hồng	23/11/1999	2017	Nữ	19	04	2NT		C00	VA	7.2	SU	8.1	ĐI	8.6	Khá	23.90		0.00	0	23.90		
17	CQ 290	001305040003	Chu Thùy Linh	09/02/2005	2023	Nữ	19	08	2NT		D01	VA	8.1	TO	8.8	N1	7.2	Giỏi	24.10		0.50	0	24.49		
18	CQ 291	027301003372	Nguyễn Bảo Ngọc	16/06/2001	2019	Nữ	19	01	2		D01	TO	7.6	VA	6.8	N1	8.7	Khá	23.10		0.00	0	23.10		
19	CQ 292	027305005705	Nguyễn Thị Ngọc Anh	25/06/2005	2023	Nữ	19	05	2		C00	VA	7.5	SU	8.3	ĐI	8.4	Khá	24.20		0.25	0	24.39		
20	CQ 293	027305008598	Tô Thị Hoan	14/12/2005	2023	Nữ	19	02	2NT		C00	VA	7.7	SU	7.8	ĐI	7.7	Khá	23.20		0.50	0	23.65		
21	CQ 294	027305010035	Nguyễn Thị Lan Anh	22/12/2005	2023	Nữ	19	02	2NT		C00	VA	7.6	SU	7.6	ĐI	7.8	Khá	23.00		0.50	0	23.47		
22	CQ 295	036204000324	Đỗ Thành Nam	07/09/2004	2023	Nam	25	09	2		C00	VA	7.0	SU	7.6	ĐI	7.9	Khá	22.50		0.25	0	22.75		
23	CQ 296	027304006933	Trịnh Thị Nguyên	24/08/2004	2022	Nữ	19	02	2NT		C00	VA	8.0	SU	7.6	ĐI	7.4	Giỏi	23.00		0.50	0	23.47		
24	CQ 297	027305009604	Vũ Thị Hương Ly	16/10/2005	2023	Nữ	19	06	2NT		C00	VA	7.0	SU	7.7	ĐI	7.9	Khá	22.60		0.50	0	23.09		
25	CQ 298	027305009621	Nguyễn Thị Ngọt	05/03/2005	2023	Nữ	19	08	2NT		D01	TO	7.6	VA	8.0	N1	7.6	Giỏi	23.20		0.50	0	23.65		

(Danh sách gồm 25 thí sinh)